

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/DS – PT

Ngày 11/4/2019

V/v kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chiến.

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Nguyễn Văn Thuyên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Quang Trung – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:* Bà Đào Thị Óng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLPT-DS ngày 18 tháng 12 năm 2018 về “kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 08/2019/QĐ – PT ngày 18 tháng 02 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2019/QĐ-PT ngày 06/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐ-PT ngày 19/3/2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Tr – có mặt.

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Loan Ph – có đơn xin xét xử mặt.

Địa chỉ: thị trấn K, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc L – vắng mặt.

- Ông Huỳnh Đức H – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ dân phố 8, thị trấn Kiến Đức, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bà Trần Thị T – vắng mặt.

Địa chỉ: Phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị T: ông Phạm Văn Tr – văn bản ủy quyền ngày 24/10/2018 – có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Phạm Văn Tr.

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Phạm Văn Tr trình bày: Từ ngày 23/12/2013 đến ngày 10/4/2014, ông Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc L có quan hệ mua bán cà phê với nhau, ông Tr đưa tiền cho chị L đi thu mua cà phê từ các hộ dân và giao lại cho ông để hưởng chênh lệch. Ngày 20/3/2014, hai bên lập Biên bản đối chiếu công nợ, chị L còn nợ ông Tr 38.675,5 kg cà phê nhân; ông Tr nợ chị L 7.700.000 đồng. Sau đó, chị L giao thêm 8.863 kg cà phê cho ông Tr, đến ngày 10/4/2014, số cà phê chị L còn nợ ông Tr là 28.812,5 kg cà phê nhân, chị L hẹn đến ngày 20/4/2014 sẽ trả đủ.

Đến hẹn, chị L không trả được số lượng cà phê trên nên bà Phạm Thị Loan Ph có đứng ra nhận nợ số lượng cà phê 12 tấn thay cho chị L, thời hạn trả là 31/12/2014; 03 bên thống nhất như thỏa thuận và có làm giấy nhận tiền ngày 21/4/2014 có chữ ký của chị L và bà Ph. Còn 15 tấn cà phê còn lại chị L có nghĩa vụ phải trả cho ông Tr nhưng chị L không trả nên ông đã khởi kiện chị L tại một vụ án dân sự khác và được Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 23/2017/QĐST – DS. Đến hạn trả 12 tấn cà phê, ông Tr đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà Ph không thực hiện theo như cam kết nên ông Tr khởi kiện yêu cầu bà Ph phải trả cho ông 12 tấn cà phê đã nhận thay của bà Nguyễn Thị Ngọc L và không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Phạm Thị Loan Ph trình bày: Bà Ph có quan hệ quen biết với chị L, bà không quen biết ông Tr; bà Ph chỉ biết chị L với ông Tr có quan hệ làm ăn với nhau và chị L có nợ cà phê của ông Tr. Chị L có nhờ bà Ph đến nói chuyện với ông Tr về vấn đề nợ nần nhằm mục đích khát nợ giùm chị L, bà Ph có viết một giấy biên nhận với nội dung khi bà Ph lấy được nợ sẽ cho chị L mượn để trả cho ông Tr nhưng do không lấy được nợ nên bà Ph không có tiền đưa cho chị L. Đối với giấy nhận tiền ngày 21/4/101, bà Ph cho rằng là không đúng nội dung bà đã ghi với ông Tr (BL 28). Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr, buộc bà Ph phải trả 12 tấn cà phê thì bà không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án chồng bà Ph, ông Nguyễn Văn Bách trình bày: ông không biết gì về số nợ giữa chị L với ông Tr và không biết bà Ph có nhận nợ thay chị L với ông Tr.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Lời trình bày của ông Tr về việc chị có làm ăn kinh doanh với ông Tr và chị còn nợ ông Tr 28.812,5 kg cà phê là đúng sự thật. Ngày 30/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ đã công nhận việc chị đồng ý trả ông Tr 15 tấn cà phê như ông Tr trình

bày. Đối với 12 tấn cà phê mà bà Phạm Thị Loan Ph viết giấy nhận nợ thay chị, bản chất là số nợ từ việc kinh doanh buôn bán giữa chị với ông Tr, chị L có nghĩa vụ phải trả. Thời điểm năm 2014, chị và bà Ph có thỏa thuận lấy được nợ, bà Ph sẽ cho chị mượn để trả ông Tr nhưng không đòi được nợ nên không có tiền trả ông Tr. Thời điểm bà Ph viết giấy nhận nợ thay vào ngày 21/4/2014, đến ngày 11/11/2014, chị và ông Tr đã chốt nợ 1 lần nữa, tổng nợ cuối cùng của chị phải trả cho ông Tr là 28.812,5 kg cà phê nhân xô, trong đó đã bao gồm 12 tấn cà phê mà bà Ph nhận nợ thay. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Tr, chị là người có nghĩa vụ trả cho chứ không phải bà Ph.

Người có quyền lợi liên quan ông Huỳnh Đức H trình bày: việc vợ ông là chị L có nợ ông Tr, ông không biết, việc bà Ph nhận nợ thay chị L ông cũng không biết và không đồng ý trả 12 tấn cà phê nhân chị L nợ ông Tr.

Người có quyền lợi liên quan bà Trần Thị T trình bày: khoản nợ giữa chị L với ông Tr cũng như việc bà Ph nhận nợ thay đúng như lời trình bày của ông Tr.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2018/DS-ST ngày 25 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định: Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 161, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr về việc buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải trả 12 tấn cà phê nhân.

Về chi phí giám định: ông Phạm Văn Tr phải chịu 3.600.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 6/11/2018, ông Phạm Văn Tr có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải trả cho ông 12 tấn cà phê nhân.

Ngày 09/11/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ ban hành Quyết định kháng nghị số 03/KN-VKS kháng nghị một phần bản án dân sự sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải chịu 3.600.000 đồng chi phí giám định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét

xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn Tr; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ về phần chi phí giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của ông Tr và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng bị đơn bà Phạm Thị Loan Ph và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Ngọc L và ông Huỳnh Đức H vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Tr đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải trả cho ông 12 tấn cà phê nhân. Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 21/4/2014, bà Phạm Thị Loan Ph đã ký vào Giấy nhận tiền với nội dung: “*Phạm Thị Loan Ph; K1 – Kiến Đức – Đăk Rláp – Đăk Nông; nhận nợ thay Lan (Hoàng); 12 tấn (mười hai tấn); cà phê nhân*”, như vậy, từ ngày 21/4/2014 nghĩa vụ trả 12 tấn cà phê được chuyển giao từ chị Nguyễn Thị Ngọc L sang bà Phạm Thị Ph theo quy định tại Điều 315 Bộ luật dân sự năm 2005.

Tuy nhiên, sau thời điểm bà Ph nhận nợ thay chị L 12 tấn cà phê, ngày 11/11/2014, ông Tr và chị L tiếp tục đối chiếu công nợ, có lập giấy viết tay với nội dung: “*Số công nợ bà Lan còn nợ ông Tr cụ thể là: nợ bằng cà phê nhân xô, số lượng 28.812,5 kg, nợ bằng tiền 150.000.000 đồng*”, tại phiên tòa sơ thẩm ông Tr cũng thừa nhận số nợ 28.812,5 kg đã bao gồm 12 tấn cà phê mà bà Ph nhận nợ thay chị L ngày 21/4/2014; do đó, đây là một thỏa thuận mới, thay thế thỏa thuận cũ, đồng thời chấm dứt nghĩa vụ trả nợ thay của bà Ph đối với ông Tr. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Tr về việc buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải trả 12 tấn cà phê nhân là có căn cứ đúng pháp luật; không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn Tr. Để đảm bảo quyền lợi của mình, ông Tr có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L phải có trách nhiệm hoàn trả số cà phê còn nợ nêu trên.

[3] Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Tr có đơn yêu cầu giám định chữ ký của bà Ph trong Giấy nhận tiền ngày 21/4/2014; Kết luận giám định xác định chữ ký trong giấy là của bà Ph, tuy nhiên cấp sơ thẩm lại buộc ông Tr phải chịu tiền chi phí giám định là không đúng quy định tại Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự: “***Nghĩa vụ chịu chi phí giám định: 1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ. ...2. Người không chấp nhận yêu cầu trưng***

cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trung cầu giám định là có căn cứ.”. Do đó có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí giám định. Do ông Tr đã nộp số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định nên cần buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải hoàn trả cho ông Tr số tiền 3.600.000 đồng.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003714 ngày 07/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn Tr; chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, sửa bản án sơ thẩm về phần chi phí giám định.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 146, khoản 1 Điều 161 của Bộ luật tố tụng dân sự 2005; Điều 315 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Tr về việc buộc bà Phạm Thị Loan Ph phải trả 12 tấn cà phê nhân.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Văn Tr phải nộp 21.520.000 đồng được khấu trừ số tiền 5.440.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002280 ngày 29/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Phạm Văn Tr phải nộp 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0003714 ngày 07/11/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4. Về chi phí giám định: Bà Phạm Thị Loan Ph phải hoàn trả cho ông Phạm Văn Tr số tiền 3.600.000 đồng chi phí giám định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Cấp cao tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Chiến